

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản số: 24/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 09-02-2023

Về việc: “Xin ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Tuyết Mai.

Ông Nguyễn Đình Phương.

-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Trần Trọng Khánh – Cán bộ Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định.

-Đại diện VKSND huyện T tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 375/2022/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 11 năm 2022, về việc: “Xin ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 258/2022/QĐST-DS, ngày 30 tháng 12 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2023/QĐST-DS, ngày 13 tháng 01 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Lê Thị Tuyết V, **sinh năm 1982, có mặt.**

Địa chỉ: Thôn DV, xã PT, huyện T, tỉnh Bình Định.

Bị đơn Lê Ngọc L, **sinh năm 1982, vắng mặt.**

Địa chỉ: Thôn DV, xã PT, huyện T, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 9 năm 2022, tại các bản khai và tại phiên tòa hôm nay Nguyên đơn Lê Thị Tuyết V trình bày: Giữa chị với **Lê Ngọc L** quen nhau do mai mối, sau đó tự tìm hiểu thời gian và vợ chồng đăng ký kết hôn số 35, ngày 04-3-2013 tại UBND xã PT. Vợ chồng chung sống nhưng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do chồng chửi bới, uống rượu về đánh đập chị nhiều lần, thời gian gần đây nhất vào tháng 5 năm 2022, chị bị anh L đánh đập và đuổi chị nên chị đã bỏ về nhà cha mẹ chị. Sau đó chồng chị có xuống nhà năn nỉ nhưng chị không còn tình thương nên chị yêu cầu ly hôn với anh L. Về quan hệ con chung và về tài sản chung: Vợ chồng chị

không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra chị V không yêu cầu gì khác.

Bị đơn Lê Ngọc L vắng mặt tại phiên tòa nhưng có bản khai trình bày như sau:
Giữa anh với Lê Thị Tuyết V quen nhau do mai mối, sau đó tự tìm hiểu và đăng ký kết hôn số 35, ngày 04-3-2013 tại UBND xã PT. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến cách đây 01 tháng thì vợ anh bỏ nhà đi. Nguyên nhân do vợ có hôn láo mà trong lúc có chén rượu nên anh có chửi vợ, có lúc do vợ gọi điện thoại hơn tiếng đồng hồ nên anh nghi ngờ vợ có người khác. Sau đó anh có năn nỉ nhưng vợ anh kiên quyết không gặp mà muốn ly hôn, bản thân anh còn thương vợ nên anh mong muốn đoàn tụ. Về quan hệ con chung và về tài sản chung: Vợ chồng không có con chung, tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra anh L không yêu cầu gì khác.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị V ly hôn anh L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn là Lê Ngọc L cư trú tại thôn DV, xã PT, huyện T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn anh Lê Ngọc L vẫn cố tình vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS, vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2].1 Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Tuyết V với anh Lê Ngọc L thì thấy rằng hôn nhân giữa chị V và anh L là tự nguyện, có đăng ký kết hôn số 35 ngày 04-03-2013, tại UBND xã PT nên đây là hôn nhân hợp pháp. Giữa chị V và anh L chung sống phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát từ việc anh L thường xuyên uống rượu về đánh đập chị V nhiều lần. Nay chị V yêu cầu ly hôn trong khi đó anh L mong muốn đoàn tụ nhưng chị V kiên quyết xin ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị V và anh L xuất phát từ nguyên nhân do anh L có hành vi đánh đập chửi bới chị nhiều lần nên mâu thuẫn giữa anh chị trầm trọng không thể hàn gắn, vì vậy căn cứ vào Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn cho chị V ly hôn anh L.

[2].2 Về nuôi con chung và về tài sản chung, nợ chung: Chị V, anh L không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung nên Tòa không xét.

[3] Về án phí DSST: Buộc chị V phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn. Tiền tạm ứng án phí chị V đã nộp được khấu trừ vào án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39, khoản 2 Điều 227 BLTTDS; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị Tuyết V ly hôn anh Lê Ngọc L.

[2] Về quan hệ nuôi con chung và về quan hệ tài sản chung: Tòa không xét.

[3] Về án phí DSST: Buộc chị V phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn để sung vào Ngân sách Nhà nước. Tiền tạm ứng án phí chị V đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0001285, ngày 18-11-2022 tại CCTHADS huyện T được khấu trừ vào án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại Tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 09/02/2023). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành. Nếu bên phải thi hành không thực hiện nghĩa vụ đã tuyên thì bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015 tương ứng thời gian chậm thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán–Chủ Tọa Phiên Tòa

Bà Phạm Thị Tuyết Mai Ông Nguyễn Đình Phương Trần Thị Bích Thủy

Nơi nhận :

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

-Các bên đương sự
-VKSND huyện T
-Chi cục THADS huyện T
-Phòng GD&ĐT TAND tỉnh Bình Định .
-UBND xã PT
Số 351 ngày 04-03-2013)
-Lưu hồ sơ . . .

THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Bích Thủy

Trần Thị Bích Thủy

Nơi nhận :

-Các bên đương sự

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

-VKSND huyện T
-Chi cục THADS huyện T
-Phòng GD&ĐT TAND tỉnh Bình Định .
-UBND xã Phước Sơn
Số 41 ngày 09-4-2007)
-Lưu hồ sơ .

Trần Thị Bích Thủy

